THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024-2025

Academic Results of Semester I - 2024-2025 School Year

Lớp: 10/9
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) First *Foreign language (English)*	Lịch sử *History*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	GDQP&AN National *Defence and Security Education*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập Academic Performance	Kết quả rèn luyện Conduct
1	Trịnh Quốc Bảo	6.4	9.7	7.8	9.3	Đạt	8.2	8.1	8.4	7.4	9.3	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
2	Tô Huỳnh Bảo Châu	9.1	9.9	9.3	9.3	Đạt	9.7	9.4	9.9	9.9	9.9	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
3	Ngô Gia Dinh	7.5	9.4	8.1	9.1	Đạt	9.1	7.9	8.5	7.4	9.8	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
4	Nguyễn Anh Duy	5.6	8.2	8.4	8.9	Đạt	9.7	6.6	6.4	7.5	9.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
5	Phạm Phúc Duyên	5.1	7.3	9.3	7.4	Đạt	7.3	5.7	7.2	7.0	8.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
6	Nguyễn Thị Nhật Hồng	7.8	8.4	9.4	8.8	Đạt	9.0	7.0	6.6	8.2	9.4	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
7	Lê Đoàn Gia Huy	6.7	8.1	8.3	8.3	Đạt	8.6	7.4	7.1	7.0	9.0	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
8	Nguyễn Dương Quang Huy	5.5	6.5	6.7	8.6	Đạt	8.1	6.0	5.9	6.3	8.8	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
9	Phạm Sỹ Nhật Huy	7.6	9.5	9.3	9.0	Đạt	9.5	7.1	8.4	8.7	9.4	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
10	Trần Hà Vinh Huy	6.9	8.9	8.3	8.7	Đạt	8.6	6.0	7.1	7.9	8.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
11	Nguyễn Trần Nguyên Khôi	7.0	9.2	7.8	8.9	Đạt	8.9	6.6	7.5	7.3	9.2	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
12	Nguyễn Tấn Kiệt	6.7	7.7	8.0	9.0	Đạt	9.9	7.0	7.4	8.0	9.1	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
13	Lý Yên Linh	7.8	8.8	8.3	8.9	Đạt	9.9	6.2	7.3	8.5	10.0	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
14	Nguyễn Ngọc Linh	5.7	8.8	7.6	8.9	Đạt	9.1	6.1	7.2	6.4	8.6	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
15	Trương Thịnh Long	7.7	8.7	9.4	8.8	Đạt	9.0	7.6	9.0	8.6	9.3	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
16	Nguyễn Lê Phương Nghi	8.1	8.6	8.9	9.2	Đạt	9.9	7.4	8.1	9.5	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
17	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	8.5	9.7	8.8	9.5	Đạt	9.7	9.3	9.6	9.8	9.8	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
18	Trần Quốc Thiên	5.1	8.6	9.2	9.0	Đạt	8.9	6.5	6.7	6.6	8.7	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
19	Nguyễn Hiếu Trung	8.0	9.4	9.4	9.3	Đạt	8.9	8.0	8.0	8.9	9.3	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
20	Trần Đặng Tường Vân	6.4	7.2	8.0	8.7	Đạt	8.9	5.8	7.1	7.7	9.2	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Phượng	Nguyễn Trầm Hương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024-2025

Academic Results of Semester I - 2024-2025 School Year

Lớp: 10/10
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) First *Foreign language (English)*	Lịch sử *History*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	GDQP&AN National *Defence and Security Education*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập Academic Performance	Kết quả rèn luyện Conduct
1	Trần Phương Huyền Anh	5.1	7.0	8.5	7.1	Đạt	6.1	5.4	6.4	5.2	8.9	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
2	Nguyễn Hoàng Bách	7.2	9.7	8.9	8.6	Đạt	9.1	7.5	8.0	7.4	8.9	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
3	Tăng Minh Châu	8.1	9.6	8.8	9.4	Đạt	9.7	8.0	8.5	8.0	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
4	Lại Việt Cường	8.9	9.5	8.8	9.0	Đạt	9.7	9.1	9.2	9.1	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
5	Bùi Minh Đạt	7.7	9.8	9.4	9.1	Đạt	8.9	8.6	9.6	8.8	9.2	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
6	Đào Minh Đăng	6.9	7.2	7.1	8.6	Đạt	7.9	8.7	7.3	7.6	9.3	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
7	Chen Vịnh Đình	8.3	9.7	9.4	9.1	Đạt	9.9	9.0	8.7	9.8	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
8	Lê Bảo Hà	6.5	8.0	8.6	7.7	Đạt	8.0	6.5	7.0	6.7	9.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
9	Trần Quốc Huy	6.9	9.1	8.2	9.2	Đạt	8.4	7.3	8.3	8.7	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
10	Lê Nguyên Khang	8.0	9.9	9.0	9.3	Đạt	9.4	9.3	9.4	9.7	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
11	Nguyễn Quỳnh Lam	8.3	9.7	8.8	9.2	Đạt	9.7	8.2	8.9	8.8	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
12	Trịnh Gia Long	5.9	8.2	8.1	8.2	Đạt	7.9	7.2	7.3	7.4	8.1	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
13	Nguyễn Li Ly	7.8	9.5	8.7	9.4	Đạt	9.7	8.4	9.1	9.0	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
14	Phan Tiến Minh	6.2	6.3	7.5	7.8	Đạt	8.4	6.3	6.9	6.0	8.3	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
15	Nguyễn Bảo Nam	5.6	6.6	4.9	7.7	Đạt	7.9	6.2	7.1	6.0	8.3	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
16	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	6.4	6.9	8.2	7.8	Đạt	8.4	5.8	7.0	6.7	8.7	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
17	Tăng Thiên Phú	7.0	9.0	8.6	8.8	Đạt	8.9	7.0	8.0	7.7	9.3	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
18	Phí Khánh Tâm	6.1	7.5	8.4	8.9	Đạt	8.4	7.3	7.6	7.2	9.1	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
19	Đỗ Nam Thịnh	6.8	7.5	7.7	8.3	Đạt	8.1	7.1	7.9	7.7	8.6	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
20	Phạm Toàn	6.8	7.3	6.2	9.0	Đạt	8.7	6.5	6.5	7.1	9.2	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
21	Trần Quốc Trường	7.0	8.0	6.5	9.1	Đạt	9.1	6.8	7.5	6.8	9.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
22	Võ Đức Tuệ	7.6	8.9	9.1	9.3	Đạt	7.6	8.5	8.8	8.5	8.7	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Lê Thị Tố Minh	Nguyễn Trầm Hương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024-2025

Academic Results of Semester I - 2024-2025 School Year

Lớp: 10/11
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) First *Foreign language (English)*	Lịch sử *History*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	GDQP&AN National *Defence and Security Education*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập Academic Performance	Kết quả rèn luyện Conduct
1	Nguyễn Thị Phương An	7.3	5.8	7.2	8.7	Đạt	8.4	6.0	5.8	5.3	8.9	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
2	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	5.6	5.8	7.1	7.0	Đạt	6.9	5.2	5.7	6.4	8.8	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
3	Phùng Minh Anh	8.2	7.4	8.3	9.1	Đạt	9.3	7.2	6.8	8.7	9.4	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
4	Phạm Thiên Cát	7.6	7.7	7.1	8.4	Đạt	6.9	5.6	6.7	6.5	8.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
5	Phạm Ngô Tiến Đạt	5.9	7.2	7.5	8.0	Đạt	6.0	6.1	6.9	5.2	8.6	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
6	Lê Nguyễn Tín Đức	7.7	9.3	8.7	8.7	Đạt	9.1	7.8	8.9	7.7	9.3	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
7	Huỳnh Thiên Hương	7.3	8.4	7.4	8.6	Đạt	8.0	6.4	6.6	7.1	9.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
8	Phạm Quỳnh Hương	6.1	5.4	6.4	8.1	Đạt	7.8	6.5	5.5	5.7	8.9	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
9	Trần Duy Khang	6.5	7.8	9.0	8.4	Đạt	8.6	6.8	7.5	7.4	9.0	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
10	Tôn Thất Anh Kiệt	6.3	7.3	8.2	8.6	Đạt	7.9	7.1	6.5	7.5	8.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
11	Nguyễn Ngọc Hồng Lam	8.6	9.2	9.1	9.3	Đạt	8.9	8.5	9.1	8.6	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
12	Huỳnh Hiếu Nghĩa	8.1	9.6	8.3	8.6	Đạt	9.1	7.8	9.2	8.1	9.3	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
13	Trần Phạm Hạnh Nguyên	7.4	7.4	8.0	8.6	Đạt	9.1	7.3	8.0	7.6	9.3	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
14	Nguyễn Mai Phương	6.6	7.5	6.7	7.5	Đạt	9.1	5.6	6.4	6.1	8.2	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
15	Trần Nguyễn Khánh Quân	8.0	9.8	8.6	9.0	Đạt	9.1	9.0	9.4	8.5	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
16	Nguyễn Phạm Tú Quyên	7.7	7.6	7.9	9.0	Đạt	9.2	7.2	7.0	8.0	8.7	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
17	Nguyễn Phan Như Quỳnh	8.7	9.4	9.1	9.1	Đạt	9.3	8.0	9.5	8.7	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
18	Lê Ngọc Đan Thanh	5.0	6.2	9.3	6.1	Đạt	5.6	5.5	6.3	5.3	8.9	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
19	Nguyễn Quốc Thiện	7.0	8.7	8.3	8.7	Đạt	8.4	7.3	7.6	7.1	8.8	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
20	Phan Đặng Hoàng Thịnh	5.1	6.1	8.7	8.1	Đạt	7.9	5.6	7.4	6.1	8.5	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
21	Nguyễn Mai Thy	7.3	7.4	8.2	8.8	Đạt	7.1	5.6	5.4	7.3	8.8	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
22	Đỗ Cao Trí	8.1	9.7	9.4	9.2	Đạt	9.1	9.0	9.2	8.6	9.0	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
23	Trần Quang Vinh	5.4	6.0	8.8	8.2	Đạt	7.8	7.1	6.6	5.8	8.3	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Trường Vy	Nguyễn Trầm Hương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024-2025

Academic Results of Semester I - 2024-2025 School Year

Lớp: 10/12
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) First *Foreign language (English)*	Lịch sử *History*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	GDQP&AN National *Defence and Security Education*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập Academic Performance	Kết quả rèn luyện Conduct
1	Đặng Trần Duy Anh	4.6	5.3	6.4	6.5	Đạt	6.6	5.5	5.8	5.0	7.5	Đạt	Đạt	ĐẠT	KHÁ
2	Nguyễn Trung Anh	8.2	7.6	9.3	8.9	Đạt	8.5	7.0	7.4	8.2	8.7	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
3	Phan Lê Cao Hùng	8.4	9.2	9.9	9.1	Đạt	9.9	8.5	9.8	9.6	9.7	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
4	Huỳnh Gia Huy	6.8	6.9	7.4	8.6	Đạt	8.5	6.2	6.2	6.8	8.2	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
5	Lê Anh Khôi	8.7	9.8	9.7	9.4	Đạt	9.1	8.7	9.7	9.5	9.9	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
6	Lê Nguyễn Gia Lạc	7.3	9.7	8.6	9.0	Đạt	8.6	7.8	8.3	8.1	9.1	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
7	Trần Kha Linh	8.0	9.4	9.5	9.2	Đạt	8.5	6.7	8.8	7.5	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
8	Nguyễn Diệu Minh	9.0	9.8	9.0	9.5	Đạt	9.6	9.5	9.8	9.7	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
9	Nguyễn Lê Minh	7.2	7.7	8.8	8.7	Đạt	9.4	8.0	8.1	8.7	9.2	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
10	Lê Trần Phương My	8.8	9.6	9.2	9.5	Đạt	9.5	8.4	9.3	9.6	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
11	Bùi Phạm Bảo Ngân	7.2	9.3	9.0	8.9	Đạt	9.4	7.5	7.9	7.0	8.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
12	Vũ Nguyễn Phúc Nguyên	7.4	8.3	9.4	8.7	Đạt	7.9	6.5	7.7	7.7	9.5	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
13	Phạm Thành Nhân	7.1	9.7	9.2	8.4	Đạt	9.3	8.2	9.6	8.3	9.1	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
14	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	8.1	9.0	8.9	9.1	Đạt	9.9	7.6	7.8	8.6	8.9	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
15	Trần Ngọc Thảo Như	8.9	8.7	8.7	9.0	Đạt	9.6	7.2	9.1	8.1	9.4	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
16	Lê Gia Phát	8.1	8.0	9.3	9.7	Đạt	8.4	7.6	8.5	7.9	8.9	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
17	Lê Nguyễn Tiến Phát	5.7	6.3	6.5	7.4	Đạt	7.1	6.0	6.7	6.4	7.9	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
18	Nguyễn Tấn Phát	6.6	7.7	9.0	7.2	Đạt	6.4	6.0	5.7	5.7	8.5	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
19	Lê Trần Gia Phúc	8.2	9.0	9.3	9.1	Đạt	9.2	7.8	8.8	8.8	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
20	Nguyễn Trúc Quang	9.1	9.8	9.5	9.4	Đạt	9.6	9.4	9.7	9.6	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
21	Đoàn Phương Quỳnh	8.8	9.7	9.1	9.2	Đạt	9.0	7.8	9.6	8.5	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
22	Nguyễn Phan Như Quỳnh	8.0	9.4	9.3	8.0	Đạt	8.4	7.4	8.8	7.4	9.3	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
23	Nguyễn Ngọc Như Ý	7.3	8.7	7.7	9.0	Đạt	9.7	6.2	8.1	7.3	8.6	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Đào Thị Thu Huyền	Nguyễn Trầm Hương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024-2025

Academic Results of Semester I - 2024-2025 School Year

Lớp: 10/13
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn Literature	Toán Math	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) First Foreign language (English)	Lịch sử History	Giáo dục thể chất Physical Education	GDQP&AN National Defence and Security Education	Địa lý Geography	Giáo dục kinh tế và pháp luật Economic and Legal Education	Vật lý Physics	Tin học Computer Science	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learing Activities	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập Academic Performance	Kết quả rèn luyện Conduct
1	Nguyễn Tiến Đạt	6.8	5.9	8.2	8.0	Đạt	8.5	6.7	8.4	5.7	9.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
2	Ngô Hoàng Hùng	7.2	7.7	7.2	7.1	Đạt	9.4	6.1	7.7	4.7	9.3	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
3	Thái Gia Khang	7.7	9.5	9.2	9.1	Đạt	9.4	8.7	9.6	9.6	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
4	Đinh Đoàn Minh Khuê	7.8	8.6	7.5	9.1	Đạt	9.9	8.8	9.0	6.8	9.8	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
5	Huỳnh Anh Kiệt	7.3	7.8	8.3	7.6	Đạt	7.7	6.7	7.9	6.7	9.8	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
6	Võ Nguyễn Tuệ Lâm	8.8	9.3	9.3	9.6	Đạt	9.8	9.4	9.3	7.5	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
7	Kim Thăng Long	6.7	5.2	6.7	7.6	Đạt	8.7	6.8	7.9	4.8	8.6	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
8	Nguyễn Long	6.3	8.0	7.7	6.9	Đạt	8.2	6.1	7.3	6.3	8.2	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
9	Võ Đức Thiên Lộc	7.7	5.7	6.5	7.8	Đạt	9.1	7.4	8.4	6.0	9.1	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
10	Lê Bá Huy Minh	7.1	5.8	7.6	7.3	Đạt	8.6	7.6	8.6	4.8	9.4	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
11	Nguyễn Thanh Phúc Nguyên	8.3	8.8	8.6	9.1	Đạt	9.7	8.6	9.2	8.2	9.8	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
12	Mai Nguyễn Gia Nhi	8.4	7.2	8.0	9.0	Đạt	9.9	9.3	8.7	6.8	9.4	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
13	Nguyễn Minh Phú	7.3	6.7	8.4	8.5	Đạt	9.3	8.0	8.6	7.3	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
14	Trần Vĩnh Phú	8.5	7.9	9.0	9.3	Đạt	9.8	9.1	9.9	7.8	9.4	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
15	Nguyễn Thanh Phương	8.3	9.6	8.7	8.6	Đạt	9.7	8.9	9.3	8.5	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
16	Dương Trung Quý	7.8	6.5	6.2	8.3	Đạt	9.2	7.1	7.9	6.2	9.3	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
17	Huỳnh Mỹ Quyền	6.8	5.8	6.5	6.8	Đạt	7.9	6.3	8.5	4.9	8.9	Đạt	Đạt	ĐẠT	ĐẠT
18	Nguyễn Đức Thịnh	8.2	7.4	7.5	9.0	Đạt	9.7	8.9	8.8	6.7	9.8	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
19	Phạm Hà Tuấn Tú	7.8	7.7	9.4	8.5	Đạt	9.6	8.5	9.6	6.5	10.0	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Nghịa	Nguyễn Trầm Hương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024-2025

Academic Results of Semester I - 2024-2025 School Year

Lớp: 10/14
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn Literature	Toán Math	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) First Foreign language (English)	Lịch sử History	Giáo dục thể chất Physical Education	GDQP&AN National Defence and Security Education	Địa lý Geography	Giáo dục kinh tế và pháp luật Economic and Legal Education	Vật lý Physics	Tin học Computer Science	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learing Activities	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập Academic Performance	Kết quả rèn luyện Conduct
1	Trần Khánh Chi	7.7	7.5	6.9	8.2	Đạt	8.4	7.5	8.8	5.8	9.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
2	Dương Quốc Đại	5.6	6.1	7.6	7.9	Đạt	8.0	6.0	7.7	4.2	9.0	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
3	Trần Hải Đăng	7.0	6.0	7.2	7.3	Đạt	7.2	7.0	9.1	5.3	9.0	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
4	Phạm Ngọc Đức	7.9	7.4	7.4	8.1	Đạt	6.8	6.6	9.2	6.1	9.6	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
5	Lê Minh Huy	7.1	6.6	6.1	7.3	Đạt	8.8	7.3	8.7	5.7	9.7	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
6	Nguyễn Đình Tuấn Kiệt	7.5	7.0	6.0	8.1	Đạt	7.3	7.1	9.3	5.6	9.6	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
7	Phạm Nhã Kỳ	7.2	6.6	7.5	8.4	Đạt	8.1	6.5	9.1	5.9	9.5	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
8	Tô Hữu Lộc	7.6	6.8	6.0	7.7	Đạt	7.3	7.0	9.0	6.9	9.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
9	Trần Huỳnh Minh Lộc	5.9	5.2	5.8	7.0	Đạt	6.5	5.3	8.2	4.1	9.0	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
10	Trần Bảo Minh	8.1	8.7	8.8	8.7	Đạt	8.9	8.4	9.3	6.9	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
11	Nguyễn Phúc Gia Mỹ	6.4	6.8	7.3	8.5	Đạt	8.4	8.3	9.2	4.3	9.2	Đạt	Đạt	ĐẠT	KHÁ
12	Dương Bảo Ngọc	8.3	8.6	9.4	9.0	Đạt	9.4	8.7	9.0	7.3	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
13	Đỗ Đình Phạm Nguyên	7.2	8.5	6.6	8.2	Đạt	7.1	7.4	9.1	6.5	9.6	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
14	Nguyễn Trần Gia Phúc	6.8	7.7	6.8	7.6	Đạt	6.3	6.5	8.4	5.3	9.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
15	Lê Khánh Quỳnh	7.5	5.9	7.2	8.2	Đạt	8.6	7.8	9.1	5.2	9.1	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
16	Đỗ Thu Thảo	8.9	9.6	7.5	9.1	Đạt	9.3	8.3	9.6	8.3	9.6	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
17	Ngô Xuân Trí	7.3	7.7	6.9	7.5	Đạt	7.5	6.9	9.1	5.6	9.2	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
18	Nguyễn Thanh Trúc	8.7	9.2	8.7	8.8	Đạt	9.7	8.1	9.1	7.8	9.9	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
19	Ngô Anh Tuấn	7.5	6.3	7.3	8.7	Đạt	7.6	7.1	8.8	5.8	9.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
20	Vòng Tấn Vinh	7.7	8.0	6.2	8.3	Đạt	8.3	7.0	9.3	6.7	9.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Khương Thị Nam	Nguyễn Trầm Hương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024-2025

Academic Results of Semester I - 2024-2025 School Year

Lớp: 10/15
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn Literature	Toán Math	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) First Foreign language (English)	Lịch sử History	Giáo dục thể chất Physical Education	GDQP&AN National Defence and Security Education	Địa lý Geography	Giáo dục kinh tế và pháp luật Economic and Legal Education	Hóa học Chemistry	Tin học Computer Science	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learing Activities	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập Academic Performance	Kết quả rèn luyện Conduct
1	Nguyễn Võ Bảo An	6.7	6.6	6.2	7.6	Đạt	8.4	7.0	8.4	4.7	8.9	Đạt	Đạt	**ĐẠT**	**TỐT**
2	Nguyễn Như Anh	7.9	6.5	7.3	8.4	Đạt	9.1	8.0	9.4	6.9	9.5	Đạt	Đạt	**KHÁ**	**TỐT**
3	Thạch Thị Quỳnh Anh	7.0	7.4	7.4	7.0	Đạt	9.1	6.5	8.4	6.2	9.9	Đạt	Đạt	**KHÁ**	**TỐT**
4	Trần Thế Dương	5.5	5.3	6.9	6.8	Đạt	7.7	6.3	7.7	6.1	8.9	Đạt	Đạt	**ĐẠT**	**TỐT**
5	Phạm Minh Đoan	7.8	8.1	7.5	8.0	Đạt	9.4	7.4	8.9	6.7	9.3	Đạt	Đạt	**KHÁ**	**TỐT**
6	Thái Việt Hoàng	8.7	8.2	8.2	8.4	Đạt	9.8	8.6	9.6	8.3	10.0	Đạt	Đạt	**TỐT**	**TỐT**
7	Nguyễn Minh Kỳ	8.3	7.0	6.6	8.7	Đạt	9.2	7.5	8.8	6.1	9.6	Đạt	Đạt	**KHÁ**	**TỐT**
8	Tất Nhi Lâm	8.7	9.1	8.9	8.7	Đạt	9.1	9.0	9.3	8.2	9.6	Đạt	Đạt	**TỐT**	**TỐT**
9	Phan Trần Khánh Linh	6.3	5.5	4.4	7.2	Đạt	7.7	6.3	7.7	6.1	8.5	Đạt	Đạt	**ĐẠT**	**TỐT**
10	Phan Hồ Hoàng Minh	5.3	5.8	7.4	5.1	Đạt	6.6	6.0	6.8	6.2	8.4	Đạt	Đạt	**ĐẠT**	**TỐT**
11	Lê Nhất Kim Ngân	7.5	5.6	5.9	6.6	Đạt	8.1	7.2	8.6	4.8	8.9	Đạt	Đạt	**ĐẠT**	**TỐT**
12	Lê Tuyết Nghi	6.5	8.1	5.5	6.7	Đạt	9.7	7.1	8.4	5.9	9.4	Đạt	Đạt	**KHÁ**	**TỐT**
13	Phan Thy	6.8	5.3	4.0	6.2	Đạt	7.6	5.9	7.6	6.1	9.4	Đạt	Đạt	**ĐẠT**	**TỐT**
14	Nguyễn Hoàng Cát Vân	6.7	5.6	6.6	8.5	Đạt	8.8	6.6	8.0	6.2	8.8	Đạt	Đạt	**KHÁ**	**TỐT**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Trần Thị Thu Dung	**Nguyễn Trầm Hương**	**Văn Thị Thiên Hà**

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024-2025

Academic Results of Semester I - 2024-2025 School Year

Lớp: 10/16
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn Literature	Toán Math	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) First Foreign language (English)	Lịch sử History	Giáo dục thể chất Physical Education	GDQP&AN National Defence and Security Education	Địa lý Geography	Giáo dục kinh tế và pháp luật Economic and Legal Education	Sinh học Biology	Tin học Computer Science	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learing Activities	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập Academic Performance	Kết quả rèn luyện Conduct
1	Phạm Võ Nam Anh	7.3	7.2	8.8	7.6	Đạt	7.2	5.4	7.6	6.0	9.5	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
2	Lê Đình Minh Đăng	7.7	8.1	8.0	8.8	Đạt	8.1	8.0	8.6	7.3	9.4	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
3	Nguyễn Đình Đức	6.2	3.5	4.8	6.3	Đạt	6.1	4.6	7.7	4.5	7.3	Đạt	Đạt	CHƯA ĐẠT	KHÁ
4	Lê Phạm Khánh Huyền	7.8	8.6	9.1	9.6	Đạt	9.1	8.4	9.9	8.0	9.7	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
5	Ngô Quốc Hưng	5.8	5.0	6.7	7.2	Đạt	7.4	5.5	8.8	5.6	9.4	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
6	Hồ Gia Hy	6.9	6.6	7.5	7.0	Đạt	7.3	6.6	9.2	7.5	9.7	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
7	Boquiren Nguyễn Jennifer	7.2	7.5	8.8	8.6	Đạt	9.4	7.9	8.9	7.4	9.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
8	Nguyễn Minh Khôi	7.7	5.3	8.2	7.1	Đạt	8.0	7.4	9.4	6.3	8.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
9	Nguyễn Ái Linh	8.2	7.5	8.2	8.8	Đạt	9.4	7.7	9.6	6.8	9.7	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
10	Phạm Hữu Lê Minh	7.6	5.1	7.2	7.2	Đạt	7.5	5.4	8.1	4.6	8.6	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
11	Lee You Na	7.6	5.3	6.7	8.9	Đạt	9.4	8.4	8.5	7.3	9.6	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
12	Nguyễn Bảo Nam	7.1	5.4	4.0	6.7	Đạt	8.1	6.3	8.7	5.0	8.3	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
13	Hoàng Hải Ngọc	8.6	8.7	6.2	9.0	Đạt	9.4	8.8	9.1	8.4	9.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
14	Nguyễn Quỳnh Trúc Như	8.0	5.0	6.2	7.9	Đạt	7.5	7.9	8.9	5.5	9.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
15	Phạm Hữu Phúc	7.7	3.6	6.0	8.4	Đạt	9.2	5.4	7.7	5.8	9.0	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
16	Phan Hoàng Minh Tuyền	8.7	9.1	8.8	9.1	Đạt	9.8	8.1	9.5	8.7	10.0	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
17	Nguyễn Gia Việt	6.2	5.7	5.4	7.6	Đạt	8.8	6.2	7.9	6.0	9.6	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Lê Thị Thanh Sang	Nguyễn Trầm Hương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024-2025

Academic Results of Semester I - 2024-2025 School Year

Lớp: 10/17
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn Literature	Toán Math	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) First Foreign language (English)	Lịch sử History	Giáo dục thể chất Physical Education	GDQP&AN National Defence and Security Education	Địa lý Geography	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Vật lý Physics	Tin học Computer Science	Mĩ thuật *Fine Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learing Activities	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập Academic Performance	Kết quả rèn luyện Conduct
1	Lê Cao Hải Anh	4.6	4.4	3.6	6.0	Đạt	7.1	4.4	Đạt	3.5	7.8	Đạt	Đạt	CHƯA ĐẠT	TỐT
2	Viên Thiên Ân	6.6	6.6	4.9	8.6	Đạt	8.9	7.6	Đạt	5.2	8.5	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
3	Vũ Ngọc Bích	9.0	8.1	6.1	8.0	Đạt	8.8	7.5	Đạt	6.5	8.8	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
4	Trần Công Danh	7.2	6.1	5.9	7.1	Đạt	8.6	6.2	Đạt	5.4	7.9	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
5	Trần Giai Hồ	8.0	9.0	8.0	8.8	Đạt	9.5	8.1	Đạt	7.3	8.9	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
6	Phan Thiên Đức Hợp	9.2	9.3	8.3	9.3	Đạt	9.9	9.6	Đạt	8.0	9.1	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
7	Nguyễn Vũ Khang Hy	8.0	9.5	8.7	9.0	Đạt	9.6	8.8	Đạt	8.3	9.5	Đạt	Đạt	TỐT	TỐT
8	Yun Nguyễn Seo Hyeong	7.2	6.3	6.8	8.1	Đạt	8.6	7.4	Đạt	5.0	8.3	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
9	Nguyễn Hà Trà My	7.3	5.7	7.9	7.5	Đạt	8.9	7.8	Đạt	5.0	9.0	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
10	Trương Gia Nghi	8.5	8.4	8.7	8.7	Đạt	9.2	8.1	Đạt	6.1	8.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
11	Cao Bảo Ngọc	7.2	5.9	4.8	8.0	Đạt	8.7	7.1	Đạt	4.7	8.3	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
12	Nguyễn Hồng Ngọc	7.3	8.0	6.2	8.8	Đạt	8.9	7.8	Đạt	7.0	9.0	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
13	Vũ Hà Phương Nhi	7.0	8.0	9.1	8.5	Đạt	9.7	7.7	Đạt	6.1	9.4	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
14	Lâm Nguyễn Quỳnh Như	7.5	6.3	6.3	8.5	Đạt	8.6	7.6	Đạt	5.9	9.1	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT
15	Nguyễn Hữu Minh Phúc	7.3	8.0	8.5	8.5	Đạt	9.3	7.3	Đạt	6.0	8.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
16	Ngô Nhã Quỳnh	6.5	5.9	8.3	8.3	Đạt	8.8	6.5	Đạt	5.1	8.3	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
17	Phan Ngọc Minh Thư	7.3	6.0	6.7	7.8	Đạt	8.8	7.3	Đạt	5.2	8.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
18	Dương Nhã Thy	7.1	8.0	6.9	8.1	Đạt	9.1	7.7	Đạt	5.4	8.9	Đạt	Đạt	KHÁ	TỐT
19	Nguyễn Thùy Trang	6.5	7.2	5.0	7.0	Đạt	8.1	6.0	Đạt	5.1	8.9	Đạt	Đạt	ĐẠT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Trần Thị Thúy Phượng	Nguyễn Trầm Hương	Văn Thị Thiên Hà